TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 16-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu.

Ông Hoàng Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thiết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

Dương Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 12 năm 1984 tại xã ĐH, thành phố TB, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn CN, xã ĐH, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M, sinh năm 1958 và bà Hà Thị L, sinh năm 1963, gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út; vợ: Phạm Thị Thu H, sinh năm 1985, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: 01 tiền án, ngày 27/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện QP, tỉnh Thái Bình kết án về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2018 chuyển tạm giam từ ngày 18/9/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện TN. Bị cáo được dẫn giải, có mặt tại phiên tòa.

Đặng Văn S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 11 năm 1988 tại xã HT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội ? PL, xã HT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn M, sinh năm 1965 và bà Trần Thị T, sinh năm 1965 (đã chết năm 2005), mẹ kế: Trịnh Thị Th, sinh năm 1976; gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Trần Thị Hiền, sinh năm 1996, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2018 chuyển tạm giam từ ngày 18/9/2018 đến nay tại

Nhà tạm giữ Công an huyện TN. Bị cáo được dẫn giải, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Trung tâm viễn thông TN – VNPT Cao Bằng.

Địa chỉ: phố HT, thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn D – Trưởng trung tâm.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Hoàng Văn Pham, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: xóm TP, xã TL, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/9/2018 bị cáo H nhắn tin rủ bị cáo S lên Cao Bằng trộm cắp dây tiếp địa, bị cáo S đồng ý. Tối ngày 11/9/2018 bị cáo H và S đi xe khách từ thị trấn SS, thành phố Hà Nội lên Cao Bằng. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 12/9/2018 H và S đi xe mô tô từ thành phố CB vào huyện TN, nghỉ khoảng 30 phút thì H và S tiếp tục điều khiển xe theo đường đi xã TL, đến 9 giờ thì đến đỉnh dốc CG thuộc xóm TP, xã TL, H và S nhìn thấy cột ăng ten trạm BTS. H và S đi bộ đến trạm, H lấy trong túi đồ mang theo sẵn một mũ bảo hiểm lao động, một dây đai bảo hiểm, 01 kéo cắt, 01 kìm cắt loại nhỏ và trèo lên cột đồng thời bảo S ở dưới cắt dây từ đốt thứ hai trở xuống đến nhà trạm. H trèo lên dùng kéo cắt dây lạt nhựa buộc cố định dây tiếp địa (dây chống sét) với cột ăng ten rồi cắt dây chống sét được 02 đoạn, mỗi đoạn dài hơn 12 m là loại dây M16. S ở dưới cắt đoạn dây chống sét từ đốt thứ hai cột ăng ten nối vào nhà trạm cũng dài hơn 12 m đồng thời chịu trách nhiệm cuộc các đoạn dây cắt được cho vào bao tải. Khi cắt xong, H trèo xuống thì còn 01 đoạn dây chưa cuộn, H đã cuộn lại cho vào bao, S vẫn tiếp tục tục cắp tiếp 02 đoạn dây nối từ nhà trạm xuống đất là loại M95, mỗi đoạn dài hơn 01 m. Khi cắt xong các đoạn dây và cho vào bao thì anh Hoàng Văn P lên trạm và hỏi hai người. H tự xưng là nhân viên đến bảo dưỡng trạm, anh P bảo ở lại có người đến gặp thì H trả lời là bọn em bận phải đi bây giờ. Sau đó H và S lấy bao tải đựng dây cắt trộm được và túi đồ đi lên xe mô tô và bỏ chạy trên đường bỏ chạy vứt bao tải và túi đồ vào lề đường. Đến khu vực xóm KH, xã BL thì bị tổ công tác công an huyện TN bắt và thu giữ toàn bộ tang vật và phương tiện.

Các vật chứng thu giữ được cơ quan điều tra Công an huyện TN đã chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TN ngày 26/12/2018.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐGTS ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận giá trị dây cáp đồng ký hiệu M16 dài 36,31 m và dây cáp đồng ký hiệu M95 dài 2,40 m có giá trị là 2.535.500 đồng.

Tại cơ quan điều tra bị cáo H còn khai nhận cùng với bị cáo S thực hiện trộm cắp tại 31 trạm BTS ở các huyện BLâ, BLa, NB, TN, HA, HQ của tỉnh Cao Bằng (trong đó 08 trạm ở huyện TN); 08 trạm BTS ở địa bàn tỉnh Sơn La; 02 trạm ở tỉnh Điện Biên; 01 trạm ở thành phố Hà Nội; Sau đó bị cáo H đã thay đổi lời khai chỉ nhận được trộm cắp 01 trạm BTS ở TN ngày 12/9/2018 bắt được quả tang. Viện

kiểm sát nhân dân huyện TN không truy tố H và S trộm cắp ở các trạm BTS theo lời khai trước đó của H.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSTN ngày 24/12/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Dương Văn H và Đặng Văn S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H và S khai nhận hành vi phạm tội dây tiếp địa tại trạm BTS CG, xã TL, huyện TN mục đích để bán lấy tiền chơi lô đề và tiêu dùng cá nhân. Bị cáo S có yêu cầu được trả lại 01 Giấy phép lái xe và 01 Chứng minh nhân dân.

Bị hại là Trung tâm viễn thông TN xác định bị mất dây tiếp đất của 8/10 trạm BTS, trong đó ngày 12/9/2018 với nhân dân địa phương đã phát hiện được 02 đối tượng trộm cắp của trạm BTS TL tại xóm CG xã TL. Trung tâm viễn thông TN yêu cầu 02 bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.579.300 đồng. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho Trung tâm viễn thông TN số tiền là 4.579.300 đồng.

Người làm chứng P xác định khoảng 10 giờ ngày 12/9/2018 đúng bị cáo H và S là người đã cắt trộm dây tiếp địa của trạm BTS CG, xã TL.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H và S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, h, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo S; tuyên phạt bị cáo H từ 12 đến 15 tháng tù, tuyên phạt bị cáo S từ 6 đến 9 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại. Các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 4.579.300 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên:

- Trả lại cho bị cáo S: 01 Giấy phép lái xe và 01 Chứng minh nhân dân.
- Tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước.

+ 03 (ba) đoạn dây có vỏ nhựa màu vàng sọc xanh và 02 đoạn dây có vỏ nhựa màu đen

+ 01 xe mô tô BKS 26K8-1915 nhãn hiệu SYM, loại xe ELEGANT, màu sơn đen bạc, số máy 043625, số khung 043625 kèm theo chìa khóa và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 26K8 - 1915 mang tên Hà Văn H.

+ 02 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng của bị cáo H và 02 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng của bị cáo S.

+ 01 chiếc kéo; 02 chiếc kìm; 01 chiếc mỏ lết; 02 chiếc cờ lê.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 (ba) tờ giấy A4 có bảng kê 42 trạm BTS-Vinaphone ở các huyện BLâ, BLa, NB, TN, HQ, HA thuộc tỉnh Cao Bằng.

+ 01 chiếc bao tải màu trắng; 01 chiếc túi xách màu xanh sẫm;01 chiếc mũ bảo hộ lao động; 01 dây đai an toàn.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát,

trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo H và S đã khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Biên bản về việc bắt người phạm tội quả tang, biên bản định giá tài sản … do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 12/9/2018 bị cáo H bị cáo S đã lét lút trèo lên trạm BTS CG xã TL của Trung tâm viễn thông Thông Nông – VNPT Cao Bằng trộm cắp 03 (ba) đoạn dây có vỏ nhựa màu vàng sọc xanh, lõi bằng nhiều sợi đồng nhỏ, đường kính 01 cm có tổng độ dài là 36,31 m và 02 đoạn dây có vỏ nhựa màu đen, lõi gồm nhiều sợi đồng, đường kính 02cm có tổng độ dài là 2,40 m, đã làm thiệt hại cho Trung tâm viễn thông TN là 2.535.500 đồng. Hành vi của bị cáo phạm H và S đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng, có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn vì các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo H là người khởi xướng rủ bị cáo S đi trộm cắp, là người chuẩn bị phương tiện, công cụ trộm cắp và cũng là người phân công trách nhiệm thực hiện cho bị cáo S. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo Dương Văn H sinh ra và lớn lên trong gia đình làm nông nghiệp, được bố mẹ cho ăn học đến lớp 9/12 thì bỏ học đi lao động tự do. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2014 bị cáo bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, ngày 03/10/2015 bị cáo chấp hành xong án phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích. Ngày 18 tháng 11 năm 2016 bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh TB khởi tố về tội Trộm cắp tài sản, do bị cáo đã bỏ trốn nên ngày 23/11/2016 bị cáo bị truy nã.

Bị cáo Đặng Văn S sinh ra và lớn lên trong gia đình nghề nông, được bố mẹ cho ăn học đến hết phổ thông 12/12. Bị cáo có thời gian làm bảo vệ ở Công ty YAMAHA SS, bán đĩa hát ở Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2013 bị cáo lập gia đình và đi làm tự do.

Các bị cáo là người từ địa phương khác, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự,

nhận thức rất rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức coi thường pháp luật, với bản tính thích ăn chơi lười lao động mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của Trung tâm viễn thông TN – VNPT Cao Bằng đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương vì vậy, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm do hành vi trái pháp luật của mình gây ra, cần thiết phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm để răn đe các bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung.

Các tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thiệt hại mà các bị cáo gây ra cho bị hại là không lớn vì vậy các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì vậy bị cáo S được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các tình tiết tăng nặng: Bị cáo H có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích do đó lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là *"tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng.

Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt của bị cáo H cần cao hơn mức hình phạt của bị cáo S đồng thời cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian tu dưỡng rèn luyện bản thân phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Quá trình điều tra, bị cáo H khai nhận cùng với S thực hiện 31 trạm BTS ở các huyện BLâ, BLa, NB, TN, HA, HQ của tỉnh Cao Bằng (trong đó 08 trạm ở huyện TN); 08 trạm BTS ở địa bàn tỉnh Sơn La; 02 trạm ở tỉnh Điện Biên; 01 trạm ở thành phố Hà Nội rồi lại thay đổi lời khai, chỉ nhận được trộm cắp 01 trạm BTS ở Thông Nông vào ngày 12/9/2018 khi bắt được quả tang. Căn cứ vào Điều 86, 87 của Bộ luật tố tụng hình sự, không có căn cứ để xác định H và S là người thực hiện trộm cắp dây tiếp địa tại 08 trạm BTS này, do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã không truy tố H và S đối với 08 trạm của Trung tâm viễn thông TN bị mất là đúng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận với nhau về mức bồi thường thiệt hại, xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 585 và 589 của Bộ luật dân sự, cần công nhận. Các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 4.579.300 đồng. Phần nghĩa vụ bị cáo H phải bồi thường là 2.290.000 đồng, bị cáo S phải bồi thường số tiền là 2.289.300 đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy xét cho các bị cáo không phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng:

- Đối với: 03 (ba) đoạn dây cáp đồng ký hiệu M16, có tổng độ dài là 36,31 m và 02 đoạn dây cáp đồng có ký hiệu là M95 có tổng độ dài là 2,40 m, người bị hại,

các bị cáo không yêu cầu được trả lại các tài sản này, cần tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với:

+ 01 xe mô tô BKS 26K8-1915 nhãn hiệu SYM, loại xe ELEGANT, màu sơn đen bạc, kèm theo chìa khóa và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 26K8 - 1915 mang tên Hà Văn H là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo H. Các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp dây tiếp địa.

+ 02 chiếc điện thoại gồm 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu OPPO và 01 điện thoại bàn phím màu trắng sữa nhãn hiệu Itel của bị cáo H; 02 chiếc điện thoại gồm 01 chiếc điện thoại cảm ứng màu đen nhãn hiệu TRUE và 01 điện thoại bàn phím màu đỏ, nhãn hiệu Masstel của bị cáo S. Các bị cáo xác định đã sử dụng những chiếc điện thoại này để liên lạc trao đổi thông tin thực hiện trộm cắp tài sản.

+ 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, phần tay cầm được bọc bằng nhựa màu xanh, dài 16,5 cm, phần lưỡi dài 07 cm; 02 chiếc kìm gồm 01 chiếc kìm cắt bằng kim loại dài 15,3 cm và 01 chiếc kìm cắt cáp bằng kim loại dài 24 cm; 01 chiếc mỏ lết bằng kim loại màu trắng bạc dài 15 cm có in chữ FORGEDSTELL; 02 chiếc cờ lê gồm 01 chiếc cờ lê hai đầu mở bằng kim loại màu trắng bạc dài 16 cm, một đầu in số 14, một đầu in số 17 và 01 chiếc cờ lê hai đầu đóng mở bằng kim loại màu trắng bạc dài 18,2 cm. Đây là các dụng cụ của bị cáo H mang theo sử dụng trộm cắp tài sản.

Xét thấy, đây là phương tiện các công cụ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, còn có giá trị sử dụng nên cần tịch thu phát mại, sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với: 03 (ba) tờ giấy A4 có bảng kê 42 trạm BTS-Vinaphone ở các huyện BLâ, BLa, NB, TN, HQ, HA thuộc tỉnh Cao Bằng; 01 chiếc bao tải màu trắng; 01 chiếc túi xách màu xanh sẫm; 01 chiếc mũ bảo hộ lao động màu vàng đã qua sử dụng; 01 dây đai an toàn.

Đây là các công cụ phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe của Đặng Văn S và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn S là các giấy tờ tùy thân của bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án, bị cáo có yêu cầu được trả lại, cần chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Lời đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát về xác định tội danh, áp dụng

điều luật và mức hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; xử lý vật chứng của vụ án; đề nghị công nhận sự thỏa thuận phần nghĩa vụ bồi thường dân sự giữa các bị cáo và bị hại là có căn cứ, cần chấp nhận. Đề nghị của các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn H, Đặng Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hậu.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i, h khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Sáng.

Xử phạt bị cáo Dương Văn H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 12/9/2018.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 12/9/2018.

2. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo H, S không phải chịu hình phạt bổ sung.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Bị cáo H và bị cáo S phải liên đới bồi thường cho Trung tâm viễn thông TN số tiền 4.579.300 (Bốn triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm) đồng.

Trong đó phần nghĩa vụ bị cáo Hphải bồi thường là 2.290.000 (Hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng. Bị cáo S phải bồi thường số tiền là 2.289.300 (Hai triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử:

- Tịch thu phát mại, sung quỹ Nhà nước.

+ 03 (ba) đoạn dây (có ký hiệu M16) có vỏ nhựa màu vàng sọc xanh, lõi bằng nhiều sợi đồng nhỏ, đường kính 01 cm, độ dài các đoạn là 12,19 m; 12,1 m; 12,02 m; 02 đoạn dây (có ký hiệu M95) có vỏ nhựa màu đen, lõi gồm nhiều sợi đồng, đường kính 02cm, một đoạn dài 1,22 m, một đoạn dài 1,18 m.

+ 01 xe mô tô BKS 26K8-1915 nhãn hiệu SYM, loại xe ELEGANT, màu sơn đen bạc, số máy 043625, số khung 043625 kèm theo chìa khóa và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, biển số đăng ký 26K8 - 1915 mang tên Hà Văn H.

+ 04 chiếc diện thoại đã qua sử dụng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng sữa và 01 điện thoại bàn phím màu trắng sữa nhãn hiệu Itel; 01 điện thoại cảm ứng màu đen nhãn hiệu TRUE; 01 điện thoại bàn phím màu đỏ, nhãn hiệu Masstel.

+ 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, dài 16,5 cm, phần lưỡi dài 07 cm.

+ 02 chiếc kìm gồm: 01 chiếc kìm cắt bằng kim loại dài 15,3 cm, phần đầu kìm dài 05 cm, tay cầm dài 10,3 cm, được bọc nhựa màu đỏ đen có chữ MEINFA; 01 chiếc kìm cắt cáp bằng kim loại dài 24 cm.

+ 01 chiếc mỏ lết bằng kim loại màu trắng bạc dài 15 cm có in chữ FORGEDSTELL.

+ 02 chiếc cờ lê gồm: 01 chiếc hai đầu mở bằng kim loại màu trắng bạc dài 16 cm, một đầu in số 14, một đầu in số 17; 01 chiếc hai đầu đóng mở bằng kim loại màu trắng bạc dài 18,2 cm, giữa hai đầu cờ lê được bọc bằng bang dính màu vàng và màu đỏ xen kẽ nhau.

- Trả lại cho bị cáo S:

01 Giấy phép lái xe tên Đặng Văn S; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn S.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 (ba) tờ giấy A4 có bảng kê 42 trạm BTS-Vinaphone ở các huyện BLâ, BLa, NB, TN, HQ, HA thuộc tỉnh Cao Bằng.

+ 01 chiếc bao tải màu trắng; 01 chiếc túi xách màu xanh sẫm; 01 chiếc mũ bảo hộ lao động màu vàng đã qua sử dụng; 01 dây đai an toàn.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng trên đang được lưu giữ tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thông Nông theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thông Nông và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thông Nông ngày 26/12/2018.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Văn H và Đặng Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện TN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- C.A huyện TN;
- Lưu HSVA.

Hoàng Thị Kim